TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**98/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Oanh
Bà Nguyễn Thị Chấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:139/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp ly hôn và chia tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Dương Anh D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện K, Tp. Hà Nội.

- **Bị đơn**: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện K, Tp. Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Dương Văn N, sinh năm 1951.

2/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954.

3/ Chị Dương Minh P, sinh năm 1998.

Ông N, bà N, chị P cùng có địa chỉ tại: Thôn B, xã X, huyện K, Tp. Hà Nội.

4/ Ngân hàng chính sách xã hội.

Đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Văn Lâm – Giám đốc Phòng giao dịch huyện K.

Đại diện tham gia tố tụng: ông Hoàng Tiến Hải – Phó giám đốc Phòng giao

dịch huyện K.

(Anh D, chị Hà, ông N, bà N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Dương Anh D là Nguyên đơn trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Đinh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi đàng hoàng khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh và chị Hà có đăng ký kết hôn ngày 19/02/1998 tại UBND xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau ở Thôn B, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Hà ngoại tình với đồng nghiệp, vợ và chị gái của đồng nghiệp đến tận nhà anh tố cáo. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình anh đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành công. Vợ chồng anh càng chung sống không có sự quan tâm, chia sẻ trong những lúc anh gặp khó khăn. Đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trở nên trầm trọng, kéo dài và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Anh đã chuyển đi thuê nhà ở nơi khác, còn chị Hà và các con vẫn sống ở nhà của vợ chồng tại Thôn B, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội. Năm 2022 anh có nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện K. Sau khi được Tòa án hòa giải thì anh đã rút đơn xin ly hôn với chị Hà để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là Dương Minh P, sinh ngày 24/11/1998, Dương Khánh H, sinh 08/6/2006, Dương M, sinh 15/4/2009. Hiện cháu P đã trưởng thành lập gia đình ra ở riêng. Hai cháu: H, Nam chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H, Nam theo nguyện vọng của hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Nam số tiền là 1.500.000đồng/ 1 tháng/ 01 cháu, tổng số tiền là 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung:* Chị Hà có yêu cầu chia tài sản và đã rút yêu cầu chia nhà đất, anh đồng ý với việc rút một phần yêu cầu về việc chia tài sản nhà đất của chị

Hà. Hiện nay hai bên còn tranh chấp về tài sản chung là chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 và số tiền vay nợ để mua xe ô tô anh có ý kiến như sau:

Về giá trị chiến xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đăng ký tháng 02 năm 2018 mang tên Dương Anh D, anh xác định đây là tài sản chung vợ chồng, giá trị chiếc xe này hiện nay là 500.000.000 đồng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng muốn sử dụng chiếc xe ô tô này để làm P tiện kinh doanh kiếm tiền nuôi con và bản thân, anh có trách nhiệm thanh toán cho chị Hà ½ giá trị chiếc xe là 250.000.000 đồng.

Thời điểm vợ chồng anh mua xe ô tô năm 2018 với giá tiền 841.000.000 đồng chưa kể tiền đăng ký xe. Sau khi mua xe ô tô anh là người trực tiếp quản lý sử dụng chạy hợp đồng đưa khách du lịch. Nguồn thu nhập từ việc kinh doanh chở khách bằng xe ô tô anh dùng để sử dụng chung cho sinh hoạt trong gia đình. Việc quản lý chi tiêu và thống kê thu nhập do anh trực tiếp quản lý, anh không thông báo gì về chi phí và thu nhập từ kinh doanh xe ô tô cho chị Hà. Toàn bộ chi phí học của con, chí phí sinh hoạt gia đình, thanh toán tiền vay ngân hàng anh là người thanh toán, ngoài ra anh có tiền đưa cho chị Hà nhưng anh không nhớ được là bao nhiêu.

- *Về nợ chung gồm:*

Khoản tiền vay của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N số tiền 100.000.000 đồng (nguồn gốc là tiền của mẹ anh được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất). Cả anh và chị Hà cùng đứng ra vay của bà N, mục đích để sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018. Quan điểm của anh khi ly hôn cả anh và chị Hà cùng có nghĩa vụ trả bà N.

Khoản tiền nhờ bà bà Nguyễn Thị N vay Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện K số tiền 17.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Tuy nhiên mẹ anh không sử dụng mà để cả hai vợ chồng vay sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018, đến nay khoản tiền này đã tất toán trả xong cho Ngân hàng chính sách xã hội. Quan điểm của anh khi ly hôn cả anh và chị Hà cùng có nghĩa vụ trả bà N.

Khoản tiền anh đứng tên vay của vay Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện K số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường và 50.000.000 đồng. Tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Cũng sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018. Quan điểm của anh khi ly hôn cả anh và chị Hà cùng có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

Khoản tiền vợ chồng anh vay của con gái là cháu Dương Minh P 100.000.000 đồng. Cũng sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018. Quan điểm của anh khi ly hôn cả anh và chị Hà cùng có nghĩa vụ trả nợ cho cháu P.

Khoản tiền vay của chị Bùi Thị Thu Hương, sinh năm 1974: Trú tại: thôn Dương Đanh, X, K, Hà Nội số tiền 500.000.000đ, vay thời điểm năm 2020. Khi vay tiền chỉ có anh, chị Hương và con chị Hương là Dương Trung Đức chứng kiến.

Việc vay mượn tiền của chị Hương một mình anh đứng ra vay, vợ chị Hà không biết, nên không có ý kiến gì, thời điểm này anh và chị Hà đã sống ly thân được hơn 1 năm (thời điểm ly thân 2019). Anh đã sử dụng số tiền là 201.111.104 đồng để thanh toán nợ ngân hàng tất toán rút xe ô tô đang thế chấp ra, số tiền còn lại 291.111.040 đồng anh sử dụng nên anh chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ này với chị Hương, chị Hà không có trách nhiệm nghĩa vụ gì về khoản tiền này. Anh xác định số tiền 201.111.104 thanh toán nợ ngân hàng tất toán rút xe ô tô đang thế chấp ra là nợ chung vợ chồng nên cả hai có trách nhiệm trả. Do hiện nay chị Hương chưa có yêu cầu đòi nợ nên sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh D không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn trong vụ án là chị Đinh Thị H trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn đúng như anh D trình bày, chị không bổ sung gì thêm. Nay anh D yêu cầu Ly Hôn thì chị không đồng ý vì lý do: Nguyên nhân dẫn tới việc anh D yêu cầu ly hôn là do anh D đã bỏ vợ con đi sinh sống như vợ chồng với chị Bùi Thị Thu Hương đã bốn năm, hiện hai người đang thuê nhà sống cùng nhau tại Tổ dân phố Kiên Thành, thị trấn Trâu Quỳ, huyện K, thành phố Hà Nội. Hành vi trên của hai người vi phạm cả về đạo đức và pháp luật. Về đạo đức: Hai người họ vốn là chị em dâu có họ hàng gần. Khi chồng chị Bùi Thị Thu Hương là anh họ của anh D không may bị chết anh D thường xuyên sang giúp đỡ những việc vặt trong nhà, cả gia đình và họ hàng không ai nghi ngờ gì vì hai gia đình là họ hàng gần gũi và thân thiết (con chú con bác trong nội tộc). Nhưng hai người đã bất chấp đạo lý sống với nhau như vợ chồng đã hơn bốn năm nay gia đình, họ hàng khuyên bảo can ngăn nhưng họ không nghe vẫn ngang nhiên ăn ở cùng nhau. Về pháp luật: Hai người họ đã vi phạm luật Hôn nhân, anh D là người đang có vợ mà sống với chị Hương như vợ chồng. Nhưng nghiêm trọng hơn là do mối quan hệ trên đã dẫn tới việc anh D về nhà nhiều lần đánh đập đuổi chị đi, có lần chị đã phải chạy ra báo công an xã, sự việc tiếp tục và dẫn đến nay là việc anh D yêu cầu ly hôn với chị. Đối với cha mẹ, anh D cũng có hành vi ngược đãi chửi lại cả bố mẹ, xúc phạm cả với tổ tiên, nhiều lần đe dọa và đã có hành vi đập phá nhà cửa và nghiêm trọng nhất là ngày 26/09/2022 anh D đã tưới xăng đốt nhà và bàn thờ tổ tiên trong khi cả gia đình đang có mặt tại nhà, rất may mọi người chạy thoát và dập lửa kịp thời nên không bị hủy hoại toàn bộ tài sản, hành vi trên của anh D đã được Công an xã lập biên bản và lấy lời khai ngay khi vụ việc sảy ra, tuy nhiên hành vi trên chưa được xử lý theo pháp luật nên anh D vẫn coi thường pháp luật, vẫn thường xuyên về chửi bới phá phách đe dọa bố mẹ và vợ con. Hành vi trên của anh Dương Anh D đã vị phạm điểm a khoản 1 điều 182 Tội vi phạm chế độ một vợ một chồng và vi phạm điều 185 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 Tội "Ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ, chồng, con"

Nay chị thấy việc anh D đi theo người phụ nữ khác chỉ là nhất thời, chị mong muốn anh D suy nghĩ lại quay về để gia đình D tụ cùng nuôi dậy con cái cho đến khi các con trưởng thành. Nay anh D kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về giải pháp đưa ra để vợ chồng về D tụ thì chị không có giải pháp gì.

Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Dương Minh P, sinh ngày 24/11/1998, Dương Khánh H, sinh 08/6/2006, Dương M, sinh 15/4/2009. Hiện cháu lớn đã trưởng thành lập gia đình ra ở riêng, hai cháu H, Nam chưa đủ 18 tuổi. Giả thiết trường hợp vợ chồng ly hôn, chị thống nhất để các con tự trình bày nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ. Trường hợp các con ở với chị thì anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị nuôi con theo sự tự nguyện của anh D.

Về tài sản chung:

Chị có đơn gửi tòa yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên chị đã rút một phần yêu cầu là nhà đất không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là xe ô tô16 chỗ Ford Biển kiểm soát là 29B 504-21 mang tên anh D là tài sản chung vợ chồng, đến nay chị nhất trí xác định giá trị chiếc xe này hiện nay là 500.000.000 đồng để làm căn cứ giải quyết vụ án. Khi ly hôn chị không đồng ý với ý kiến của anh D là để anh tiếp tục sử dụng chiếc xe ô tô, chị cũng có nguyện vọng được sử dụng chiếc xe và thanh toán lại giá trị mả anh D được hưởng. Nếu tranh chấp không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung:

Chị xác nhận vợ chồng vay của mẹ chồng là bà Nguyễn Thị N 100.000.000 đồng, con gái là cháu P số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội hiện nay anh D đang đứng tên khoản vay là khoảng 70.000.000 đồng. Tổng số nợ là 270.000.000 đồng. Về công nợ chung khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về số tiền anh D trình bày vay của chị Bùi Thị Thu Hương. Chị không biết anh D vay khi nào, chị cũng không sử dụng đồng tiền nào từ việc vay mượn này của anh D. Chị không có nghĩa vụ hay trách nhiệm gì về khoản vay này.

Ngoài ra chị Hà không có yêu cầu gì khác

Bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bầy:

Bà là mẹ đẻ của anh Dương Anh D, nay trước yêu cầu xin ly hôn của anh D bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D mà kiên trì hòa giải để anh D rút đơn về D tụ gia đình để vợ chồng cùng nuôi dạy các con cho trưởng thành.

Đối với việc chị Hà đã rút yêu cầu chia tài sản là nhà đất mang tên anh D, bà nhất trí, không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về khoản nợ 100.000.000 đồng anh D và chị Hà vay của bà vào năm 2018 với mục đích anh D dùng số tiền này để mua xe ô tô kinh doanh, khi vay tiền của bà vì là mẹ con nên không viết giấy tờ gì và bà cũng không tính lãi đối với vợ chồng anh chị. Về nguồn gốc khoản tiền cho anh D, chị Hà vay là của riêng của bà chứ không liên quan gì đến ông N là chồng của bà (Tại lần hòa giải bà có trình bầy là tài sản chung cùng với ông N chồng bà là không đúng bởi lẽ số tiền này là bà được nhận bồi thường khi nhà nước thu hồi đất vào năm 2018) bà đã có xác nhận gửi cho Tòa án. Nay nếu anh chị ly hôn thì bà yêu cầu anh D, chị Hà phải có trách nhiệm trả bà 100.000.000 đồng, bà không tính lãi đối với anh chị.

Ngoài ra cũng vào năm 2018 bà có đứng ra vay hộ cho anh D hai khoản tiền một khoản là 50 triệu đồng và một khoản 20 triệu đồng của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K. Sau khi vay được hai khoản tiền trên thì anh D là người sử dụng, kể từ khi bà đứng ra vay hộ cho anh D đến nay thì anh D là người đứng ra trả nợ, qua nhiều lần thanh toán đến ngày 26/01/2024 bà đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội đối với khoản vay 20 triệu đồng. Quá trình trả nợ đối với khoản vay này bà đã ứng ra để trả cho Ngân hàng số tiền là 13 triệu đồng. Nay anh chị D, Hà nếu ly hôn thì anh chị phải là người trả nợ cho bà vì đây là khoản tiền bà đã ứng ra trả nợ khoản vay ngân hàng hộ anh D dùng để mua ô tô.

Như vậy tính đến phiên tòa ngày hôm nay anh chị D Hà nợ bà số tiền là 113.000.000 đồng, nếu anh chị ly hôn thì bà yêu cầu anh D, chị Hà phải có trách nhiệm trả bà 113.000.000 đồng, bà không tính lãi đối với anh chị.

Ngoài ra bà không cho vợ chồng anh chị D Hà vay khoản tiền nào khác và cũng không vay hộ cho anh chị khoản tiền nào khác.

Ông Dương Văn N trình bầy: Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà N và không bổ sung gì thêm.

Chị Dương Minh P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bầy:

Chị là con gái lớn của bố D, mẹ Hà vào năm 2018 chị có cho bố mẹ vay 100.000.000 đồng với mục đích để bố D dùng số tiền này để mua xe ô tô kinh doanh, khi vay tiền của chị vì là bố mẹ đẻ nên chị không viết giấy tờ gì và chị cũng không tính lãi đối với khoản tiền cho bố mẹ vay. Về nguồn gốc khoản tiền cho bố mẹ vay là của riêng chị chứ không liên quan gì chồng của chị bởi lẽ số tiền này là do chị được nhận bồi thường khi nhà nước thu hồi đất vào năm 2018 chị đã có xác nhận gửi cho Tòa án. Nay nếu bố mẹ ly hôn thì chị yêu cầu bố mẹ phải có trách nhiệm trả cho chị 100.000.000 đồng, chị không tính lãi đối với bố mẹ chị. Do điều kiện công việc rất bận nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật

Ngoài ra chị không cho bố mẹ vay khoản tiền nào khác và cũng không vay hộ cho bố mẹ khoản tiền nào khác.

Ngân hàng chính sách xã hội do ông Hoàng Tiến Hải là đại diện theo ủy quyền trình bầy:

Đến nay anh Dương Anh D có hai món vay tại Ngân hàng chính sách xã hội là: Chương trình nước sạch & vệ sinh môi trường và chương trình giải quyết việc làm. Tổng cả hai món vay là 70.000.000 đồng, đến nay anh D vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ trả lãi hằng tháng cho Ngân hàng chính sách xã hội nên Ngân hàng không khởi kiện đòi nợ đối với anh D trong vụ án này nên đề nghị Tòa án không đưa Ngân hàng chính sách xã hội vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nếu trong trường hợp Tòa xác định Ngân hàng chính sách xã hội là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì khi xét xử vụ án ông Hải đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến tr- ớc thời điểm hội đồng xét xử nghị án nh- sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đ- ơng sự: Các đương sự trong vụ án chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh D, anh D được ly hôn với chị Hà

- Về con chung: Hai cháu: H, Nam chưa đủ 18 tuổi có nguyện vọng ở với chị Hà Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Nam số tiền là 1.500.000đồng/ 1 tháng/ 01 cháu, tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Do vậy giao cháu H, cháu Nam cho chị Hà nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh D 1.500.000đồng/ 1 tháng/ 01 cháu

- Về tài sản chung: Anh D chị Hà xác nhận chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đăng ký tháng 02 năm 2018 mang tên Dương Anh D, anh D và chị Hà xác định giá trị chiếc xe này hiện nay là 500.000.000 đồng. Do tiền xe ô tô do vợ chồng đi vay và làm ăn trong thời kỳ hôn nhân nhân có được. Do vậy số tài sản này chia đôi (nếu anh D nhận xe sẽ thanh toán cho chị Hà 250 triệu đồng; nếu chị Hà nhận xe thanh toán lại cho anh D số tiền 250.000.000 đồng

Đối với yêu cầu của chị Hà về việc chia tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 166 m2 tại thôn B, X do bố mẹ chồng tặng, chị Hà đã rút yêu cầu chia tài sản này nên đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu này của chị Hà

- Về nợ chung: Buộc anh D có trách nhiệm trả nợ số tiền 56.500.000 đồng

cho bà N, trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho chị P. Chị Hà có trách nhiệm trả nợ số tiền 56.500.000 đồng cho bà N, trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho chị P. Anh D và chị Hà có nghĩa vụ trả khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện K khi có yêu cầu.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị P và bà N.

*** Về án phí**: Vụ án được thụ lý ngày 14/4/2023, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp, anh Dương Anh D yêu cầu xin ly hôn với chị Đinh Thị H, chị Hà có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là: " Tranh chấp ly hôn và chia tài sản".

Bị đơn chị Đinh Thị H, hiện nay đang sinh sống và cư trú tại thôn B, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án chị Dương Minh P, Ngân hàng chính sách xã hội, có đơn và lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a,b,đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị H trình bầy: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung vào ngày 18/10/2023 đối với thửa đất có diện tích 166m2 tại thôn B, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội. Xét thấy việc rút 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ yêu cầu này của chị Hà.

[2]. Về nội dụng vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1.Về quan hệ hôn nhân:

Anh Dương Anh D và chị Đinh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/02/1998 tại UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi anh D, chị Hà kết hôn quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D và chị Hà có

nghi ngờ về sự chung thủy của hai bên, anh D nghi ngờ chị Hà ngoại tình với đồng nghiệp, chị Hà nghi ngờ anh D có quan hệ ngoại tình với chị Hương là chị dâu con nhà bác ruột của anh. Mặt khác vợ chồng anh chị chung sống không có sự quan tâm, chia sẻ trong những lúc gặp khó khăn về kinh tế. Đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, kéo dài và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Anh D đã chuyển đi thuê nhà ở nơi khác vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm sinh lý. Năm 2022 anh D có nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện K. Sau khi được Tòa án hòa giải thì anh đã rút đơn xin ly hôn với chị Hà để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm để nuôi dạy con cái tốt nhất. Nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được, anh D, chị Hà không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy việc anh D xin ly hôn chị Hà và cho rằng tình cảm không còn, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa anh D và chị Hà không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đ- ợc chấp nhận.

2.2.Về con chung:

Vợ chồng anh chị xác nhận có 03 con chung là Dương Minh P, sinh ngày 24/11/1998, Dương Khánh H, sinh 08/6/2006, Dương M, sinh 15/4/2009. Hiện cháu P đã trưởng thành lập gia đình ra ở riêng. Hai cháu: H, Nam chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn chị Hà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu theo nguyện vọng của hai cháu. Xét thấy anh D, chị Hà không có tranh chấp về việc nuôi con, anh chị đều tôn trọng nguyện vọng của con chung muốn ở với ai là tùy các cháu. Chị Hà có chỗ ở, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện khả năng nuôi con, cháu H, Nam có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi anh chị ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung là cháu Dương Khánh H, sinh 08/6/2006, Dương M, sinh 15/4/2009 cho chị Hà nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Nam cho chị Hà số tiền là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 01 cháu, tổng số tiền là 3.000.000 đồng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.3.Về tài sản chung:

Do chị Hà có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình vợ chồng anh D, chị Hà chung sống đã tạo lập được tài sản chung đến nay duy nhất còn lại là chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đăng ký tháng 02 năm 2018 mang tên Dương Anh D, vợ chồng anh chị xác định giá trị chiếc xe này hiện nay là 500.000.000 đồng. Khi ly hôn anh D, chị Hà cùng có nguyện vọng muốn sử dụng chiếc xe ô tô này để làm P tiện kinh doanh kiếm tiền

nuôi con và bản thân đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho bên kia ½ giá trị chiếc xe là 250.000.000 đồng. Xét thấy tài sản chung của vợ chồng anh D chị Hà đến nay có tranh chấp là chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đăng ký tháng 02 năm 2018 mang tên Dương Anh D có giá trị 500.000.000 đồng nên khi anh chị ly hôn tài sản chung của vợ chồng được chia đôi là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Cụ thể anh D, chị Hà mỗi người được hưởng 50% giá trị chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 là: 500.000.000:2= 250.000.000 đồng.

Xét thấy chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 hiện nay đăng ký mang tên Dương Anh D và anh D thực tế là người đang quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cho anh Dương Anh D sở hữu chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đăng ký số: 29110721 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 05/10/2021 đồng thời buộc anh D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Hà số tiền là 250.000.000 đồng tương đương ½ giá trị chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21.

2.4.Về công nợ:

2.4.1.Bà Nguyễn Thị N và cháu Dương Minh P có yêu cầu độc lập đòi nợ đối với vợ chồng anh D, chị Hà. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đến nay anh D chị Hà cùng xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh D số tiền 100.000.000 đồng và 13.000.000 đồng do bà N ứng ra để trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội, tổng cộng là 113.000.000 đồng. Vay của con gái anh chị là Dương Minh P 100.000.000 đồng cả hai khoản vay đều sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018. Quan điểm của anh chị D, Hà xác định đây là khoản nợ chung nên khi ly hôn cùng có nghĩa vụ trả bà N và cháu P. Đến nay bà N và cháu P chỉ yêu cầu đòi số tiền nợ gốc đã cho anh chị D, Hà vay. Bà N, cháu P không yêu cầu trả tiền lãi nên Tòa không xét. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N và chị Dương Minh P, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự buộc anh D, chị Hà mỗi người phải thanh toán trả cho bà N số tiền là: 56.500.000 đồng và cháu P số tiền là: 50.000.000 đồng (Anh Dương Anh D có trách nhiệm trả nợ số tiền 56.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N và trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho cháu Dương Minh P. Chị Đinh Thị H có trách nhiệm trả nợ số tiền 56.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N và trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho cháu Dương Minh P.)

2.4.2. Đối với khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện K anh D chị Hà xác nhận công nợ chung hiện tại đứng tên anh Dương Anh D đến nay số tiền dư nợ tạm tính là khoảng 63.000.000 đồng, mục đích số tiền vay là sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018. Khi ly hôn quan điểm của anh D và chị Hà xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do Ngân hàng chính sách xã hội chưa có yêu cầu đòi số tiền cho anh D vay nên nên Tòa án không xem

xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.4.3. Quá trình giải quyết vụ án anh D có khai vay của chị Bùi Thị Thu Hương, sinh năm 1974: Trú tại: thôn Dương Đanh, X, K, Hà Nội số tiền 500.000.000đ, vay thời điểm năm 2020. Mục đích anh D sử dụng số tiền trong khoản vay là dùng 201.111.104 đồng để thanh toán trả nợ ngân hàng tất toán rút giấy tờ chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đang thế chấp tại ngân hàng ra. Số tiền 201.111.104 đồng anh D khẳng định đây là nợ chung vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân vì anh sử dụng số tiền trên để trả nợ ngân hàng tất toán rút giấy tờ chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 nên cả anh và chị Hà có trách nhiệm trả số tiền 291.111.040 đồng cho chị Hương. Do hiện nay chị Hương chưa có yêu cầu đòi nợ anh D, chị Hà nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3].Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Dương Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng; 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn và 5.325.000 án phí dân sự về việc bà N, cháu P đòi nợ. Tổng án phí anh D phải chịu là 18.425.000 đồng được trừ vào số tiền anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 73902 ngày 13/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Nay anh D còn phải nộp số tiền án phí là 18.125.000 đồng.

Chị Đinh Thị H phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn và 5.325.000 án phí dân sự về việc bà N, cháu P đòi nợ. Tổng án phí chị Hà phải chịu là 17.825.000 đồng được trừ vào số tiền chị Hà đã nộp tạm ứng án phí 21.000.000 đồng theo Biên lai số 74066 ngày 07/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Nay chị Hà còn được nhận lại số tiền là: 3.175.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Dương Minh P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Dương Minh P số tiền 2.500.000 đã nộp theo Biên lai số 74249 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Chị P, Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28; 35; 39; 147; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19; 56,59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Anh D. Anh Dương Anh D được ly hônchị Đinh Thị H.

2.Về con chung:

Giao con chung là cháu Dương Khánh H, sinh 08/6/2006 và Dương M, sinh 15/4/2009 cho chị Hà nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Không ai đ- ợc ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Nam cho chị Hà số tiền là 1.500.000đồng/1 tháng/ 01 cháu, tổng số tiền là 3.000.000 đồng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

3.Tài sản chung vợ chồng:

3.1. Giao cho anh Dương Anh D sở hữu chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đăng ký số: 29110721 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 05/10/2021.

3.2. Buộc anh Dương Anh D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Đinh Thị H số tiền là 250.000.000 đồng tương đương ½ giá trị chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21.

3.3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất có diện tích 166m2 tại thôn B, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội do ngày 18/10/2023 và tại phiên tòa chị Đinh Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4.Về công nợ:

4.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N và chị Dương Minh P, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự như sau:

4.1.1. Anh Dương Anh D có trách nhiệm trả nợ số tiền 56.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N và trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho chị Dương Minh P.

4.2.2. Chị Đinh Thị H có trách nhiệm trả nợ số tiền 56.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N và trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho chị Dương Minh P.

4.2. Đối với khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện K anh D chị Hà xác nhận là công nợ chung hiện tại đứng tên anh Dương Anh D đến nay số tiền dư nợ tạm tính là khoảng 63.000.000 đồng, mục đích số tiền vay là sử dụng vào việc mua xe ô tô năm 2018. Khi ly hôn quan điểm của anh D và chị Hà xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do Ngân hàng chính sách xã hội chưa có yêu cầu đòi số tiền cho anh D vay nên nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4.3. Đối với khoản tiền anh D khai có vay của chị Bùi Thị Thu Hương, sinh năm 1974: Trú tại: thôn Dương Đanh, X, K, Hà Nội số tiền 500.000.000đ, vay thời điểm năm 2020. Mục đích anh D sử dụng số tiền trong khoản vay là dùng 201.111.104 đồng để thanh toán trả nợ ngân hàng tất toán rút giấy tờ chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 đang thế chấp tại ngân hàng ra. Số tiền 201.111.104 đồng anh D khẳng định đây là nợ chung vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân vì anh sử dụng số tiền trên để trả nợ ngân hàng tất toán rút giấy tờ chiếc xe ô tô Ford Biển kiểm soát 29B 504-21 nên khi ly hôn cả anh và chị Hà cùng phải có trách nhiệm trả số tiền 291.111.040 đồng cho chị Hương. Do hiện nay chị Hương chưa có yêu cầu đòi nợ anh D, chị Hà nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

5.1. Anh Dương Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng; 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn và 5.325.000 án phí dân sự về việc bà N, cháu P đòi nợ. Tổng án phí anh D phải chịu là 18.425.000 đồng được trừ vào số tiền anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 73902 ngày 13/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Nay anh D còn phải nộp số tiền án phí là 18.125.000 đồng.

5.2. Chị Đinh Thị H phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn và 5.325.000 án phí dân sự về việc bà N, cháu P đòi nợ. Tổng án phí chị Hà phải chịu là 17.825.000 đồng được trừ vào số tiền chị Hà đã nộp tạm ứng án phí 21.000.000 đồng theo Biên lai số 74066 ngày 07/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Nay chị Hà còn được nhận lại số tiền là: 3.175.000 đồng.

5.3. Bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5.4. Chị Dương Minh P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Dương Minh P số tiền 2.500.000 đã nộp theo Biên lai số 74249 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Chị P, Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Tuấn